TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH** **----------** Số: 46/2018/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------** *Cẩm Phả, ngày 01 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 361/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm: 1965;
- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1971;

Cùng nơi ĐKNKTT: khu Đông T, phường Cẩm Đ, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Bà Mai Thị C1, sinh năm 1928; nơi ĐKNKTT: Tổ 35, khu Đông Tiến 1, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

2. Chị Phạm Thị C2, sinh năm 1951; nơi ĐKNKTT: Thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Chị Phạm Thị C3, sinh năm 1956; nơi ĐKNKTT: Số 3DD, phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

4. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1959; nơi ĐKNKTT: Thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1962; nơi ĐKNKTT: Tổ 1, khu Hòn Một, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị C1, chị Phạm Thị C2, chị Phạm Thị C3, anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Q: Anh Phạm Văn K2, sinh năm 1968; nơi ĐKNKTT: Tổ 7, khu Minh Tiến B, phường Cẩm Bình, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, d Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/01/2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/01/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H có hai con chung là Phạm Thu Trang, sinh ngày 27/7/1991 và Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 11/12/1997 đều đã thành niên, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự. Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Văn K, chị Trần Thị Thu H và anh Phạm Văn K2 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị C1, chị Phạm Thị C2, chị Phạm Thị C3, anh Phạm Ngọc T và chị Phạm Thị Q đã tự thỏa thuận giải quyết được với nhau, nội dung thể hiện tại Biên bản thỏa thuận chia tài sản chung khi ly hôn đề ngày 22/01/2018 và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận như sau:

- Anh Phạm Văn K được quyền sở hữu các tài sản sau đây:

+ Sở hữu xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA CAMRY, biển kiểm soát 14A- 267.03, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042751 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 09/10/2017, mang tên chủ xe Phạm Văn K2;

+ Sở hữu căn nhà 01 tầng diện tích 160 m2, xây trên thửa đất diện tích 160 m2 đ- ợc quyền sử dụng tại: Số thửa (ô số 54, 55) lô D Đông Bãi Tắm, Bến Do, ph- ờng Cẩm Thành, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh thuộc tổ 4, khu 8, ph- ờng Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 933321 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 06/9/2001, mang tên ng- ời sử dụng đất ông Phạm Văn K;

+ Sử dụng 160 m2 đất (ô số 52, 53) tại: Tổ 58, ph- ờng Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh (nay là tổ 4, khu 8, ph- ờng Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 689129 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 20/3/2006, mang tên ng- ời sử dụng đất ông Phạm Văn K và bà Trần Thị Thu H.

- Hai con chung của anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H là Phạm Thu Tr, sinh năm 1991 và Phạm Hoàng A, sinh năm 1997 đ- ợc quyền sở hữu các tài sản sau đây:

+ Sở hữu số tiền 2.240.000.000 đồng *(Hai tỷ, hai trăm bốn m□ơi triệu đồng)*, là trị giá quyền sử dụng 160 m2 đất tại: Tổ 58, ph- ờng Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh (nay là tổ 4, khu 8, ph- ờng Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 689129 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 20/3/2006, mang tên ng- ời sử dụng đất ông Phạm Văn K và bà Trần Thị Thu H mà anh Phạm Văn K là ng- ời đ- ợc quyền sử dụng nh- nêu trên. Anh Phạm Văn K có trách nhiệm giao số tiền này cho hai con chung vào ngày 01/02/2018 (việc giao nhận tiền đã xong có biên bản l- u hồ sơ vụ án) .

+ Sở hữu căn nhà 3 tầng diện tích 250 m2, xây trên thửa đất diện tích 60,5 m2 đ- ợc quyền sử dụng tại: Thửa đất số: 109; tờ bản đồ số: 26 thuộc tổ 43, ph- ờng Cẩm Đông, Cẩm Phả, Quảng Ninh (nay là tổ 35, khu Đông Tiến 1, ph- ờng Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 172950 do UBND thị xã Cẩm Phả (nay là thành phố Cẩm Phả) cấp ngày 14/11/2007, mang tên ng- ời sử dụng đất ông Phạm Văn K và bà Trần Thị Thu H;

+ Sử dụng 1.200 m2 đất tại: Thửa đất số: 12A; tờ bản đồ số: 107 thuộc tổ 1, khu 9, xã Việt H- ng (nay là ph- ờng Việt H- ng), thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 019310 do thành phố Hạ Long cấp ngày 31/7/2008, mang tên ng- ời sử dụng đất ông Phạm Văn K và bà Trần Thị Thu H.

- Đối với diện tích 150 m2 tại dự án khu dân c- tự xây thuộc khu Đông Tiến 1, ph- ờng Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (chủ dự án Công ty xây dựng Đông Đô) ch- a nộp đủ tiền nên ch- a đ- ợc giao quyền sử dụng đất. Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H xác định ch- a phải là tài sản chung nên không đề cập.

- Anh Phạm Văn K là ng- ời có trách nhiệm trả khoản nợ của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1972; nơi ĐKNKTT: Tổ 9, khu 3B, ph- ờng Cẩm Trung, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Về án phí: Anh Phạm Văn K tự nguyện nộp cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Kính đã nộp ngày 12/10/2017. Trả lại cho anh K 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009683 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Anh Phạm Văn K và chị Trần Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

Trả lại cho anh Phạm Văn K 50.250.000 đồng (*Năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009784 ngày 12/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Trả lại cho chị Trần Thị Thu H 6.250.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009847 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND T/p P;
-Chi cục THADS T/p P;
-UBND phường Cẩm B;
- Đương sự;
- Lưu HSVA; Vp.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng